

Số: 374/2022/QĐST-HNGĐ

T, ngày 28 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;  
Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 369/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Bùi Thị X, sinh năm 1986; Địa chỉ: 15 đường N, tổ dân phố M, phường H, thị xã L, tỉnh D;

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1972; Địa chỉ: 32/28/1 đường V, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 12, ngày 23/02/2018 của Ủy ban nhân dân phường H, thị xã L, tỉnh D thì quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị X và ông Nguyễn Văn Th là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự nguyện chung sống vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã L, tỉnh D theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, ngày 23/02/2018. Trong quá trình chung sống thì xảy ra bất đồng về quan điểm, không hòa thuận, không còn tình cảm. Nay, ông bà nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Hai bên khai không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị X và ông Nguyễn Văn Th cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị X và ông Nguyễn Văn Th thuận tình ly hôn (Bà Bùi Thị X và ông Nguyễn Văn Th đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, ngày 23/02/2018 của Ủy ban nhân dân phường H, thị xã L, tỉnh D).
- Về con chung: Hai bên khai không có con chung.
- Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Bùi Thị X và ông Nguyễn Văn Th chịu được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0031288 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q. T;
- UBND Phường H, thị xã L, tỉnh ;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Dương Thị Lan Ngọc**